

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Hải Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Đức.

Ông Hoàng Ngọc Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn (vụ án tiếp nhận từ Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sầm Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Triệu Thị T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2025, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Sầm Văn T trình bày:

Anh Sầm Văn T và chị Triệu Thị T1 đăng ký kết hôn ngày 02/02/2010, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã Y), tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng ban đầu diễn ra hạnh phúc, sau đó có nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng tự hoá giải được. Đến đầu năm 2023 thì cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị Triệu Thị T1

muốn đi làm công ty, còn anh Sầm Văn T thì muốn vợ làm ở gần nhà để tiện chăm sóc gia đình, dạy bảo các con nhỏ. Chị Triệu Thị T1 không nghe mà vẫn đi làm công ty, kể từ đó chị T1 thay đổi tính cách, có lối sống không lành mạnh, có nhiều mối quan hệ phức tạp, không quan tâm đến chồng con, từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau và từ tháng 4/2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có được hai bên gia đình động viên quay về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ khi ly thân hai vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn anh Sầm Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Triệu Thị T1.

Về con chung, vợ chồng có 03 người con chung, cháu Sầm Thị Bảo L sinh ngày 22/10/2011, cháu Sầm Duy N sinh ngày 09/8/2016, cháu Sầm Thị Ngọc A sinh ngày 05/01/2022, hiện nay các con chung ở với nguyên đơn, từ khi ly thân đến nay nguyên đơn một mình tự nuôi các con, bị đơn không hỗ trợ gì. Do vậy, sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về điều kiện nuôi con, nguyên đơn có thu nhập ổn định 13.000.000/tháng và có chỗ ở hợp pháp tại thôn Đ, xã Y, tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T1 không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Sầm Văn T về việc ly hôn với chị Triệu Thị T1. Về con chung, giao các con chung cháu Sầm Thị Bảo L sinh ngày 22/10/2011, cháu Sầm Duy N sinh ngày 09/8/2016, cháu Sầm Thị Ngọc A sinh ngày 05/01/2022, cho anh Sầm Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sầm Văn T và chị Triệu Thị T1, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/02/2010, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã Y), tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 21/7/2025 của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Sầm Văn T và chị Triệu Thị T1 có 03 người con chung, cháu Sầm Thị Bảo L sinh ngày 22/10/2011, cháu Sầm Duy N sinh ngày 09/8/2016, cháu Sầm Thị Ngọc A sinh ngày 05/01/2022. Xét thấy, từ khi ly thân các con chung ở cùng nguyên đơn, trong thời gian này bị đơn không hỗ trợ gì trong việc nuôi dạy con chung; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con; nguyên đơn đảm bảo điều kiện, khả năng về chỗ ở, thu nhập để nuôi con; nguyện vọng của con chung (đủ bảy tuổi) mong muốn được sống chung với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn môi trường sống bình thường của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao 03 người con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và nguyên đơn có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sầm Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị T1.

2. Về con chung: Anh Sầm Văn T và chị Triệu Thị T1 có 03 người con chung, cháu Sầm Thị Bảo L sinh ngày 22/10/2011, cháu Sầm Duy N sinh ngày 09/8/2016, cháu Sầm Thị Ngọc A sinh ngày 05/01/2022. Sau khi ly hôn, anh Sầm Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 người con chung, cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Sầm Văn T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Sầm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Sầm Văn T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V - Phòng nghiệp vụ 2.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Yên Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Hải Đoàn**